

Số: 2215/QĐ-UBND

Phong Điền, ngày 23 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất ở tại
Khu dân cư xứ Cồn Khoai – An Lỗ, xã Phong Hiền,
huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;
Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;
Căn cứ Quyết định số 67/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định về trình tự, thủ tục thực hiện việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh;
Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phong Điền;
Căn cứ Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2019 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt phương án thiết kế tổng mặt bằng dự án Khu dân cư xứ Cồn Khoai – An Lỗ, xã Phong Hiền;
Căn cứ Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2019 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư xứ Cồn Khoai – An Lỗ, xã Phong Hiền;

Căn cứ Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt điều chỉnh phương án thiết kế tổng mặt bằng dự án Khu dân cư xứ Cồn Khoai – An Lỗ, xã Phong Hiền;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thu hồi và giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phong Điền để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu dân cư xứ Cồn Khoai – An Lỗ, xã Phong Hiền;

Căn cứ Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư xứ Cồn Khoai – An Lỗ, xã Phong Hiền, huyện Phong Điền;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 467./TTr-TNMT ngày 18 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư xứ Cồn Khoai – An Lỗ, xã Phong Hiền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (Kèm theo phương án giá khởi điểm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các Phòng: Tài chính- Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Tư Pháp; Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Hương Điền; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện; Chủ tịch UBND xã Phong Hiền; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- VP UBND: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Đôn

PHƯƠNG ÁN

**Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu
dân cư xứ Cồn Khoai – An Lỗ, xã Phong Hiền,
huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế**

(Kèm theo Quyết định số 2245 /QĐ- UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền)

**I. Danh mục loại đất, vị trí, diện tích và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn
liền với các thửa đất:**

Khu dân cư xứ Cồn Khoai – An Lỗ, xã Phong Hiền: 48 lô.

a. Danh mục loại đất: Đất ở nông thôn.

b. Vị trí: Nằm ở Vị trí 1 - Khu vực 1; Vị trí 2 - Tỉnh lộ 11C (Từ Tỉnh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370, tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ)) và Vị trí 3 - Tỉnh lộ 11C (Từ Tỉnh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370, tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ)).

c. Diện tích và hạ tầng kỹ thuật:

- Diện tích: 9.113,1 m²

- Hạ tầng kỹ thuật: Đã được san nền và đầu tư hạ tầng điện, nước đầy đủ.

d. Tài sản gắn liền với các thửa đất: Không có tài sản trên đất.

II. Mục đích, hình thức, thời hạn sử dụng:

1. Mục đích: Đất ở

2. Hình thức: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá

3. Thời gian sử dụng: Lâu dài

4. Mức giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: (theo phụ lục chi tiết đính kèm) đơn giá này chưa bao gồm lệ phí trước bạ về đất và các khoản phí, lệ phí khác theo quy định.

III. Thời gian tổ chức thực hiện đấu giá: Năm 2021, giao Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện hợp đồng với tổ chức đấu giá chuyên nghiệp thông báo thời gian cụ thể.

IV. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá; mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước:

1. Đối tượng được tham gia đấu giá:

Các Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá thuộc đối tượng được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Luật Đất đai năm 2013.

2. Đối tượng không được tham gia đấu giá:

- Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

- Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

- Người được sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

- Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

- Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

3. Điều kiện tham gia đấu giá:

Các đối tượng quy định tại Điều 55, Điều 56 Luật Đất đai năm 2013 được đăng ký tham gia đấu giá khi có đủ các điều kiện sau:

- Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất phát hành, trong đó có nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và nộp các khoản tiền đặt trước, phí đấu giá theo quy định.

4. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 tại Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá.

5. Bước giá: Mức chênh lệch tối thiểu không dưới 2% và tối đa không quá 10% giá khởi điểm của thửa đất đấu giá.

6. Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá: Không quá 20% giá khởi điểm của thửa đất đấu giá. Người trúng đấu giá được trừ tiền đặt trước vào tiền sử dụng đất phải nộp.

V. Hình thức và phương thức tổ chức bán đấu giá:

- Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp theo từng vòng, liên tục cho đến khi không còn người yêu cầu đấu giá tiếp, người có mức giá trả cao nhất là người trúng đấu giá.

- Thời gian quy định cụ thể cho từng vòng bỏ phiếu tối đa không quá năm phút.

VI. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá:

- Dự toán ngân sách nhà nước đầu năm giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất.

- Phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất của người tham gia đấu giá.

- Các nguồn kinh phí hợp lệ khác theo quy định của pháp luật.

VII. Dự kiến giá trị thu được, đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá:

- Dự kiến thu được từ kết quả bán đấu giá **33.954.090.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ chín trăm năm mươi bốn triệu không trăm chín mươi ngàn đồng chẵn).

- Tiền sử dụng đất được sử dụng để đầu tư cơ sở hạ tầng và các mục đích khác theo quy định hiện hành.

VIII. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện hợp đồng với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh trực tiếp tổ chức bán đấu giá.

IX. Tổ chức chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức bán đấu giá

1. Cơ quan tổ chức bán đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện;

Trung tâm Phát triển quỹ đất hợp đồng với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện công tác đấu giá.

2. Hình thức và phương thức tổ chức bán đấu giá: Đấu giá quyền sử dụng đất ở lâu dài; Đấu giá quyền sử dụng đất công khai, rộng rãi cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

3. Thông báo đấu giá:

a. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở cuộc đấu giá, đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất phải niêm yết việc đấu giá quyền sử dụng đất tại nơi tổ chức cuộc đấu giá, nơi có khu đất đấu giá và tại trụ sở UBND xã nơi có đất đấu giá đồng thời phải thông báo công khai thửa đất tổ chức đấu giá ít nhất 02 lần, mỗi lần cách nhau 03 ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng: Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Thừa Thiên Huế, cổng thông tin điện tử tỉnh. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất có thể mở rộng phạm vi thông báo công khai trên các Đài truyền hình Trung Ương, Báo Trung ương phát hành trên phạm vi toàn quốc để các tổ chức, cá nhân trong nước có điều kiện đăng ký tham gia đấu giá.

Đối với khu đất, thửa đất tổ chức đấu giá lần thứ hai trở đi nhưng không điều chỉnh về giá khởi điểm hoặc quy hoạch thì thời gian thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng ít nhất là 15 ngày trước ngày mở cuộc đấu giá. Trường hợp có thay đổi về giá khởi điểm hoặc quy hoạch thì thực hiện như thông báo đấu giá lần đầu.

b. Nội dung niêm yết, thông báo công khai gồm: Tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp; tên, địa chỉ của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất; địa điểm, diện tích, mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết; giá khởi điểm; thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá; thời gian, địa điểm mở cuộc đấu giá và các thông tin khác có liên quan đến khu đất, thửa đất được đấu giá.

Khi niêm yết tại nơi có đất đấu giá thì tổ chức bán đấu giá tài sản lưu tài liệu, hình ảnh về việc niêm yết trong hồ sơ hoặc lập văn bản có xác nhận của UBND xã nơi có đất đấu giá về việc đã niêm yết, thông báo công khai.

X. Hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng đất:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện hủy kết quả bán đấu giá trong các trường hợp sau:

a. Theo thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản và người trúng đấu giá về việc hủy kết quả đấu giá tài sản hoặc giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá về việc hủy giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;

b. Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá bị Tòa án tuyên bố vô hiệu theo quy định của pháp luật về dân sự trong trường hợp người trúng đấu giá có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

c. Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản bị hủy bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

d. Người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên có hành vi thông đồng, móc nối, dìm giá trong quá trình tham gia đấu giá dẫn đến làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá hoặc hồ sơ tham gia đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản;

e. Theo quyết định của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp đấu giá tài sản nhà nước khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

2. Trường hợp kết quả trúng đấu giá bị hủy theo quy định thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại tiền và quyền sử dụng đất đã nhận. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp kết quả trúng đấu giá bị hủy theo quy định thì đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất báo cáo cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp có thẩm quyền ra Quyết định hủy kết quả đấu giá.

XI. Phê duyệt kết quả đấu giá, nộp tiền sử dụng đất, Giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

1. Phê duyệt kết quả bán đấu giá:

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ và biên bản kết quả thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất từ đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất. Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và các văn bản có liên quan khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt kết quả bán đấu giá.

2. Nộp tiền sử dụng đất:

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

huyện, cơ quan Thuế và Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất bằng văn bản cho người đã trúng đấu giá.

Trong thời gian nộp tiền sử dụng đất không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo của cơ quan Thuế, các tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có trách nhiệm liên hệ trực tiếp với Chi cục thuế khu vực Hương Điền để nộp 100% số tiền trúng đấu giá, lệ phí trước bạ về đất vào ngân sách nhà nước và chuyển chứng từ đã nộp tiền cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá thời hạn quy định trên cá nhân trúng đấu giá chưa nộp đủ số tiền trúng đấu giá vào ngân sách huyện mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện thì người trúng đấu giá xem như bỏ cuộc. Số tiền đặt cọc và số tiền trúng đấu giá đã nộp một phần vào ngân sách (nếu có) được sung công quỹ nhà nước. Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện báo cáo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt hủy kết quả trúng đấu giá theo đúng quy định của pháp luật.

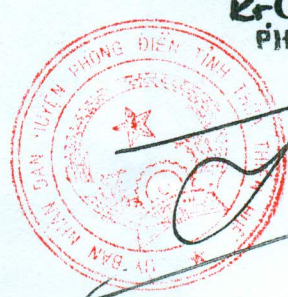
3. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá:

- Căn cứ Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, giấy nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước của người trúng đấu giá, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm chuyển hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND huyện Phong Điền cấp Giấy chứng nhận, cơ quan Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất và UBND xã Phong Hiền tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất; chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính theo quy định hiện hành.

Thời hạn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trúng đấu giá theo quy định hiện hành của pháp luật. Chi phí liên quan đến việc đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tổ chức, cá nhân trúng đấu giá nộp theo quy định hiện hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Đơn

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN GIÁ KHỞI ĐIỂM BÁN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ XỨ CÒN KHOAI - AN LỖ,
XÃ PHONG HIỀN, HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Kèm theo Quyết định số 2215 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền

STT	Số lô	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Vị trí, khu vực	Giá đất cụ thể (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)
1	A1	583	77	240,5	Vị trí 1, Khu vực 1 (2 mặt tiền đường quy hoạch 11,5m và đường quy hoạch 13,5m)	4.000.000	962.000.000	40.000.000	144.500.000
2	A2	584	77	175,2	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	613.200.000	25.000.000	94.000.000
3	A3	585	77	175,7	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	614.950.000	25.000.000	94.000.000
4	A4	586	77	176,2	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	616.700.000	25.000.000	94.000.000
5	A5	587	77	176,6	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	618.100.000	25.000.000	94.000.000
6	A6	588	77	177,1	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	619.850.000	25.000.000	94.000.000
7	A7	589	77	177,6	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	621.600.000	25.000.000	94.000.000
8	A8	590	77	178,0	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	623.000.000	25.000.000	94.000.000
9	A9	591	77	178,5	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	624.750.000	25.000.000	94.000.000
10	A10	592	77	179,0	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	626.500.000	25.000.000	94.000.000
11	A11	593	77	179,5	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	628.250.000	25.000.000	94.000.000
12	A12	594	77	247,8	Vị trí 1, Khu vực 1 (2 mặt tiền đường quy hoạch 11,5m và đường quy hoạch 13,5m)	4.000.000	991.200.000	40.000.000	149.000.000

STT	Số lô	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Vị trí, khu vực	Giá đất cụ thể (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)
13	A13	607	77	233,3	Vị trí 2, Tinh lộ 11C (Từ Tinh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ)) (2 mặt tiền đường quy hoạch 13,5m và đường quy hoạch 13,5m)	4.500.000	1.049.850.000	45.000.000	157.500.000
14	A14	608	77	173,9	Vị trí 2, Tinh lộ 11C (Từ Tinh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	4.000.000	695.600.000	25.000.000	105.000.000
15	A15	609	77	174,6	Vị trí 2, Tinh lộ 11C (Từ Tinh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	4.000.000	698.400.000	25.000.000	105.000.000
16	A16	610	77	175,2	Vị trí 2, Tinh lộ 11C (Từ Tinh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	4.000.000	700.800.000	25.000.000	105.000.000
17	A17	611	77	175,9	Vị trí 2, Tinh lộ 11C (Từ Tinh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	4.000.000	703.600.000	25.000.000	105.000.000
18	A18	612	77	176,5	Vị trí 2, Tinh lộ 11C (Từ Tinh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	4.000.000	706.000.000	25.000.000	105.000.000
19	A19	613	77	177,2	Vị trí 3, Tinh lộ 11C (Từ Tinh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	3.800.000	673.360.000	25.000.000	105.000.000

STT	Số lô	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Vị trí, khu vực	Giá đất cụ thể (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)
20	A20	614	77	177,8	Vị trí 3, Tịch lộ 11C (Từ Tịch lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	3.800.000	675.640.000	25.000.000	105.000.000
21	A21	615	77	178,5	Vị trí 3, Tịch lộ 11C (Từ Tịch lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	3.800.000	678.300.000	25.000.000	105.000.000
22	A22	616	77	179,1	Vị trí 3, Tịch lộ 11C (Từ Tịch lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	3.800.000	680.580.000	25.000.000	105.000.000
23	A23	617	77	179,8	Vị trí 3, Tịch lộ 11C (Từ Tịch lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	3.800.000	683.240.000	25.000.000	105.000.000
24	A24	618	77	248,9	Vị trí 3, Tịch lộ 11C (Từ Tịch lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ)) (2 mặt tiền đường quy hoạch 13,5m và đường quy hoạch 13,5m)	4.300.000	1.070.270.000	40.000.000	160.000.000
25	B1	595	77	210,9	Vị trí 1, Khu vực 1 (2 mặt tiền đường quy hoạch 11,5m và đường quy hoạch 13,5m)	4.000.000	843.600.000	40.000.000	126.000.000
26	B2	596	77	183,3	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	641.550.000	25.000.000	97.000.000
27	B3	597	77	184,0	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	644.000.000	25.000.000	97.000.000
28	B4	598	77	184,8	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	646.800.000	25.000.000	97.000.000

STT	Số lô	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Vị trí, khu vực	Giá đất cụ thể (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)
29	B5	599	77	185,5	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	649.250.000	25.000.000	97.000.000
30	B6	600	77	186,3	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	652.050.000	25.000.000	97.000.000
31	B7	601	77	187,0	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	654.500.000	25.000.000	97.000.000
32	B8	602	77	187,8	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	657.300.000	25.000.000	97.000.000
33	B9	603	77	188,5	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	659.750.000	25.000.000	97.000.000
34	B10	604	77	189,3	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	662.550.000	25.000.000	97.000.000
35	B11	605	77	190,0	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	665.000.000	25.000.000	97.000.000
36	B12	606	77	262,1	Vị trí 1, Khu vực 1 (2 mặt tiền đường quy hoạch 11,5m và đường quy hoạch 13,5m)	4.000.000	1.048.400.000	40.000.000	157.000.000
37	B13	619	77	209,5	Vị trí 3, Tinh lộ 11C (Từ Tinh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ)) (2 mặt tiền đường quy hoạch 13,5m và đường quy hoạch 13,5m)	4.300.000	900.850.000	40.000.000	135.000.000
38	B14	620	77	182,0	Vị trí 3, Tinh lộ 11C (Từ Tinh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	3.800.000	691.600.000	25.000.000	104.000.000
39	B15	621	77	182,3	Vị trí 3, Tinh lộ 11C (Từ Tinh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	3.800.000	692.740.000	25.000.000	104.000.000

STT	Số lô	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Vị trí, khu vực	Giá đất cụ thể (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)
40	B16	622	77	182,7	Vị trí 3, Tinh lộ 11C (Từ Tinh lộ 11A đến hết ranh giới thửa đất số 370 tờ bản đồ 69 (nhà ông Nguyễn Đình Cừ))	3.800.000	694.260.000	25.000.000	104.000.000
41	B17	623	77	183,1	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	640.850.000	25.000.000	97.000.000
42	B18	624	77	183,4	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	641.900.000	25.000.000	97.000.000
43	B19	625	77	183,8	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	643.300.000	25.000.000	97.000.000
44	B20	626	77	184,2	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	644.700.000	25.000.000	97.000.000
45	B21	627	77	184,6	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	646.100.000	25.000.000	97.000.000
46	B22	628	77	184,9	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	647.150.000	25.000.000	97.000.000
47	B23	629	77	185,3	Vị trí 1, Khu vực 1	3.500.000	648.550.000	25.000.000	97.000.000
48	B24	630	77	215,4	Vị trí 1, Khu vực 1 (2 mặt tiền đường quy hoạch 13,5m và đường quy hoạch 13,5m)	4.000.000	861.600.000	40.000.000	129.000.000
Tổng cộng:				9.113,1			33.954.090.000		